

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 11-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Trọng Nhơn.

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Tú Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (vắng), sinh năm 1974 và bà Lê Thị U (vắng), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, bản tự khai – ông Nguyễn Hoàng Thêm trình bày:

Năm 2022, ông T bán thức ăn thủy sản – tôm, cua giống cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị U, các bên thỏa thuận thanh toán 02 tháng 01 lần, việc mua bán diễn ra từ ngày 07/5/2022 đến ngày 15/10/2022 thì ngưng, ông H và bà U nợ số tiền là 49.472.000 đồng. Sau nhiều lần hứa hẹn nhưng ông H, bà U không thực hiện việc trả nợ cho ông T số tiền 49.472.000 đồng. Ông T có đưa sự việc ra Ban hòa giải ấp Nhà Luận giải quyết nhưng không thành nên khởi kiện ra Tòa án.

Nay ông T yêu cầu ông H và bà U liên đới thanh toán tiền nợ là 49.472.000 đồng và lãi suất từ tháng 10/2022 đến nay với mức lãi suất là 1,5%/tháng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị U đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông H và bà U không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông H và bà U tại địa chỉ ấp Nhà Luận, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, được biết: Ông H và bà U có hộ khẩu tại địa phương, hiện tại ông H và bà U lẩn tránh, không ở trại giống mà cho người khác ở.

Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ nơi cư trú mới của bị đơn ở ấp 1, xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, nhưng khi đến địa chỉ mới thì chỉ gặp được người thân của ông H và bà U nhưng người thân từ chối cung cấp địa chỉ của ông H và bà U.

Nguyên đơn cho biết vào tháng 02/2023 thì tổ hòa giải ấp Nhà Luận có hòa giải lần đầu tại trụ sở ấp ông H và bà U thừa nhận nợ hứa hẹn trả nợ cho ông T nên ông T rút đơn yêu cầu. Tuy nhiên từ đó đến nay ông H và bà U không trả nợ như cam kết và chuyển đi ở nơi khác không báo cho nguyên đơn nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông H và bà U tại địa chỉ chỉ ấp Nhà Luận, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, để xét xử vắng mặt ông H và bà U.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H và bà U không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H và bà U hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền là 49.472.000 đồng và lãi suất từ tháng 10/2022 đến nay với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Ông H và bà U là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị U đòi tiền nợ trong hợp đồng mua bán. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại ấp Nhà Luận, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn được quy định

tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 02/10/2023 của Tổ hòa giải ấp Nhà Luận và đơn xác nhận của tổ hòa giải ấp thể hiện có sự việc ông T yêu cầu ông H và bà U trả tiền nợ mua bán thức ăn thủy sản 49.472.000 đồng; ông H và bà U có hứa hẹn trả nợ cho ông T trước mặt tổ hòa giải là có thật. Nhưng vợ chồng ông H và bà U không thực hiện, đồng thời giấu địa chỉ nơi ở mới, trại giống thì giao lại cho người khác ở. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền của mình và thừa nhận số tiền nợ nguyên đơn.

Ông H và bà U là vợ chồng. Vì vậy, buộc ông H và bà U cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về nghĩa vụ liên đới của vợ chồng và theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Việc ông H và bà U nợ tiền ông T nhưng không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T được pháp luật quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 49.472.000 đồng.

Về lãi suất: Ông H và bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*” nên yêu cầu tính lãi suất được chấp nhận. Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: “1. *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”.

Do hai bên không thỏa thuận việc trả lãi, nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất “2. *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*”, cụ thể: 49.472.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 7.008.533 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi ông H và bà U phải liên đới thanh toán cho ông T là 56.480.533 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được nhận lại án phí đã dự nộp.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Th về việc khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị U trả tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị U liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng Th tổng số tiền là 56.480.533 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ngàn năm trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị U phải chịu 2.824.027 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn không trăm hai mươi bảy đồng).

- Ông Nguyễn Hoàng Th được nhận lại toàn bộ án phí dự nộp số tiền 1.237.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016319 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh